

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/12/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2020; Quyết định tạm ngừng số 46/2020/QĐ-ST ngày 23/10/2020, Quyết định tạm ngừng số 50/2020/QĐ-ST ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Nh - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 6, CH, xã TP, huyện ML, thành phố HN.

( Có đơn xin xét xử vắng mặt).

\* **Bị đơn:** Anh Đỗ Việt A - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã SV, huyện TY, tỉnh BG.

Hiện ở nước ngoài, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Nh trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Việt A có được tự do tìm hiểu và chúng tôi được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 07/11/2011 tại UBND xã SV, huyện TY, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ tôi vì hai vợ chồng làm việc đây. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng tháng 4 năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau thường xuyên cãi vã và vợ chồng ly thân từ tháng 5/2013 đến nay. Anh Việt A về nhà bố mẹ đẻ ở, tháng 9/2014 anh Việt A đi lao động tại Đài Loan khi sang Đài Loan vợ chồng ít liên lạc với nhau vì vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, có liên lạc cũng chỉ vì con chung. Nay xác định tình cảm không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Việt A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Việt L - Sinh ngày 08/10/2012 hiện nay đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đỗ Việt A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Đỗ Việt A hiện đang lao động ở nước ngoài, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo địa chỉ ở nước ngoài do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên không có kết quả. Nguyên đơn có văn bản trình bày lại địa chỉ cung cấp là không chính xác, hiện không có địa chỉ cụ thể nhưng bị đơn vẫn liên lạc với gia đình, đề nghị Tòa án xác minh tại gia đình bị đơn để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đỗ Việt A.

\* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh Đỗ Việt A là ông Đỗ Mạnh Hùng – sinh năm 1956, địa chỉ: thôn Ngò, xã Song Vân, huyện Tân Yên. Ông Hùng có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là bố đẻ của anh Đỗ Việt A có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không biết nên từ chối, không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để anh Đỗ Việt A gửi quan điểm về cho Tòa án thì chúng tôi từ chối thực hiện.

- Về việc chị Nhận xin ly hôn thì con tôi có quan điểm trao đổi về với gia đình như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Nh.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đỗ Việt L, sinh năm 2012 con tôi đồng ý để chị Nhận nuôi cháu Long.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị Nh xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Đỗ Việt A vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Đỗ Việt A. Về con chung: căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Đỗ Việt L - sinh ngày 08/10/2012 cho chị Phạm Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, công nợ: chị Nhận không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Nh là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Đỗ Việt A. Bị đơn anh Đỗ Việt A là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Ng, xã SV, huyện TY, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 22480/QLXNC-P5 ngày 01/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Đỗ Việt A đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 01/8/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Đỗ Việt A. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28-

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Phạm Thị Nh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Việt A vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Đỗ Việt A cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Việt A theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Nh, anh Đỗ Việt A.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Phạm Thị Nh kết hôn với anh Đỗ Việt A trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/11/2011 tại UBND xã SV, huyện TY, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị Nhạn vì hai vợ chồng làm việc đây. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng tháng 4 năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng tính cách không hợp nhau thường xuyên cãi vã và vợ chồng ly thân từ tháng 5/2013 đến nay. Sau đó anh Đỗ Việt A về nhà bố mẹ đẻ ở Bắc Giang, tháng 9/2014 anh Đỗ Việt A đi lao động tại Đài Loan khi sang Đài Loan vợ chồng ít liên lạc với nhau vì vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, có liên lạc cũng chỉ vì con chung. Nay xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị Nhạn xin ly hôn với anh Việt A. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Đỗ Việt A có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Nh.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã

nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Đỗ Việt A.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Việt A có 01 con chung là cháu Đỗ Việt L - Sinh ngày 08/10/2012 hiện nay đang ở với chị Nhạn.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Đỗ Việt A không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Con chung chưa thành niên nên cần người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phạm Thị Nh có đủ điều kiện để nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Phạm Thị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Việt L - Sinh ngày 08/10/2012. Anh Đỗ Việt A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nhạn không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Đỗ Việt A về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Nhạn không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau: Chị Nhạn phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154 điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Đỗ Việt A.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Đỗ Việt L - Sinh ngày 08/10/2012 cho chị Phạm Thị Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Việt A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phạm Thị Nh không yêu cầu cấp dưỡng.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp anh Đỗ Việt A về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung thì các đương sự có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000521 ngày 24/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000539 ngày 06/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị Nh đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đỗ Việt A hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Thị Nh cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã SV, huyện TY;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**